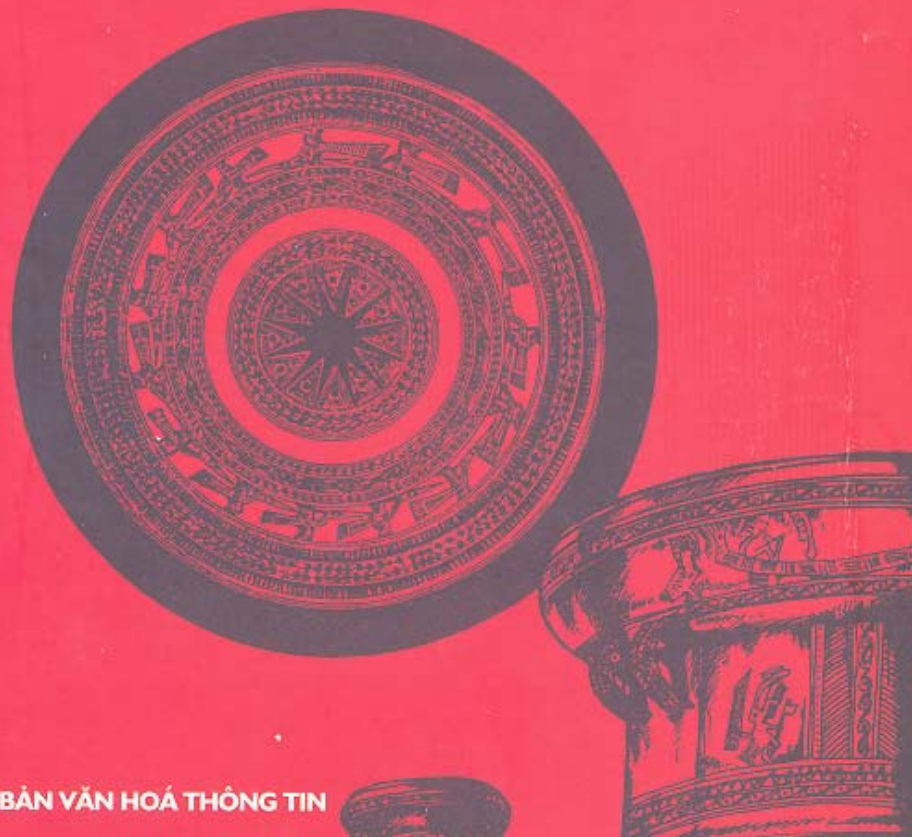


ĐÀO DUY ANH

**LỊCH SỬ
CỔ ĐẠI
VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

ĐÀO DUY ANH

LỊCH SỬ CỔ ĐẠI
Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Cổ sử Việt Nam là lĩnh vực mà học giả Đào Duy Anh quan tâm nghiên cứu ngay từ khi bắt tay tìm hiểu lịch sử dân tộc vào những năm 30 của thế kỷ trước. Thời gian đó, phần lớn những sách bằng chữ Hán và chữ Việt đều chép lại lịch sử thời thượng cổ theo các thư tịch xưa, đầy những truyền thuyết hoang đường, trừ những công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội. Có thể nói, Đào Duy Anh là người đầu tiên dùng phương pháp khoa học để phân tích các truyền thuyết xưa nhằm tìm ra những phản quang thực tế ẩn tàng trong huyền thoại, đồng thời đối chiếu với những tài liệu khảo cổ học để đi tìm lại cội nguồn của dân tộc. Chính vì vậy mà những mệnh đề do học giả Đào Duy Anh đưa ra hồi đó về nguồn gốc dân tộc, về văn hoá đồ đồng, về cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đầu tiên... đã có sức hấp dẫn đối với những người Việt Nam trong hoàn cảnh mất nước, muốn tìm lại chỗ dựa trong truyền thống dân tộc. Những công trình nghiên cứu đó đã được biên soạn thành giáo trình giảng dạy ở trường đại học đầu tiên thành lập năm 1946 ở Hà Nội sau khi Cách mạng thành công, và tiếp tục được dùng tại các trường trung học và đại học trong kháng chiến ở vùng tự do Thanh Hoá.

Sau khi hoà bình lập lại, trong khi giảng dạy ở các trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp tại Hà Nội, Đào Duy Anh lại có dịp chỉnh lý những giáo trình cũ để in thành sách. Công trình đó được ông tiếp tục hoàn thiện vào những lần xuất bản sau trong năm 1957. Nhưng vào thời đó, khảo cổ học Việt Nam chưa hình thành, mà chủ yếu vẫn phải dựa vào những công trình của các học giả thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, nên vẫn chịu ảnh hưởng theo thuyết thiên di của người Việt từ phía bắc xuống lưu vực sông Hồng. Do vậy mà một số lập luận hồi đó đến nay không còn thích hợp, vì chưa có những bằng chứng khảo cổ học minh chứng tính chất

bản địa của văn minh sông Hồng. Tuy nhiên, qua những công trình nghiên cứu cổ sử của học giả Đào Duy Anh, chúng ta thấy nổi lên phương pháp khoa học trong việc xử lý các văn bản cổ, trong việc khảo chứng tư liệu, và những lập luận logic khi tranh luận với các học giả nước ngoài. Có thể coi đây là mẫu mực của công việc nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu cổ sử Việt Nam.

Chính vì vậy mà trong lần tái bản này, chúng tôi cố gắng tập hợp những công trình nghiên cứu của Đào Duy Anh liên quan đến cổ sử Việt Nam qua nhiều lần xuất bản. Điều đó không tránh khỏi có những chỗ trùng lặp giữa các tập, nhưng qua đó độc giả có thể nhìn thấy những diễn biến của lập luận sau mỗi lần hiệu chỉnh. Vì nghiên cứu khoa học là một quá trình lập đề và phản đề không ngừng, bản thân người nghiên cứu không bao giờ được thoả mãn với những kết luận mình đạt được. Chúng tôi xin cảm ơn gia đình học giả Đào Duy Anh và GS. Phan Huy Lê đã giúp đỡ cung cấp những tài liệu trong lần xuất bản này.

Nhóm biên tập

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

5

CỔ SỬ VIỆT NAM

TỰ NGÔN	15
I. Nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Vấn đề Giao Chi	21
II. Việt tộc và Bách tộc	33
III. Người Lạc Việt và cuộc kháng chiến với quân Tần Sự thành lập nước Âu Lạc	53
IV. Văn hoá Đông Sơn hay văn hoá Lạc Việt	70
V. Trạng thái văn hoá của người Lạc Việt	79
VI. Cuộc xâm lược của Triệu Đà - Vấn đề vị trí Tượng quận	91
VII. Cuộc xâm lược của nhà Hán, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam	105
VIII. Những truyền thuyết về cổ sử của nước ta	130

PHỤ LỤC:	151
- Nước Lâm Ấp với quận Nhật Nam	153
- Vấn đề thành Khu Túc	163
- Bảng chỉ những văn thư dẫn chứng	175

NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM

TỰA	185
I. Những người tiên sử trên đất Việt Nam	187
Văn hoá Hoà Bình	187
Văn hoá Bắc Sơn	189
Văn hoá đồ đá mới	191
Văn hoá kim thạch	193

Giống người Indônêdi	194
Tài liệu tham khảo	196
II. Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân. Vấn đề Giao Chi	198
Đất Giao Chi	200
Người Giao Chỉ	202
Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân	206
III. Việt tộc và nước Việt Thường	210
Việt tộc	210
Việt với Man Di	213
Nước Việt Thường	214
IV. Nước Việt ở thời Xuân Thu Chiến Quốc	220
Lai lịch nước Việt	220
Câu Tiễn	221
Bá nghiệp của nước Việt	223
Bước suy vong của nước Việt	225
Văn hoá nước Việt	226
V. Bách Việt ở thời Tần Hán	234
Bách Việt	234
Đông Việt và Mân Việt	235
Nam Việt	238
Tình trạng sinh hoạt của người Bách Việt	241
Chàng tộc và Việt tộc	244
Phụ lục: Xét chung về người Miêu Man	248
Mối quan hệ giữa người Miêu, người Dao và người Chàng	254
VI. Người Lạc Việt	260
Lai lịch của người Lạc Việt	260
Sự tiếp xúc của người Lạc Việt và người thổ trước Indônêdi	264

VĂN HOÁ ĐỒ ĐỒNG VÀ TRỐNG ĐỒNG LẠC VIỆT

TỰA	271
I. Thời đại đồ đồng ở Việt Nam, văn hóa Đông Sơn	273
II. Văn hoá Đông Sơn vốn là văn hoá Lạc Việt	284

III. Trồng đồng Lạc Việt	295
IV. Đồ đồng ở miền Nam Trung Quốc. Quan hệ giữa văn hoá đồ đồng Việt tộc và văn hoá đồ đồng Lạc Việt	304
V. Vấn đề gốc tích trồng đồng	321
Phụ lục	
- Nghiên cứu về trồng đồng	342

VẤN ĐỀ AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ NƯỚC ÂU LẠC

TỰA	353
I. Sự tích An Dương Vương theo truyền thuyết và sử cũ	355
Chuyện rùa Vàng	356
Theo sử cũ	359
Lý Ông Trọng	362
II. Đối chiếu tài liệu Việt Nam với tài liệu Trung Quốc	363
Phân tích chuyện Rùa vàng	364
Thư tịch Trung Quốc	368
Đặt lại các vấn đề	371
III. An Dương Vương được gọi là Thục vương tử là tại sao?	373
An Dương Vương với nước Thục	374
Bộ lạc Tây Vu với Thục Phán	375
Bộ lạc Mê Linh của Lạc Vương	376
IV. Thục Phán có chiến tranh với Hùng Vương mà chiếm cứ nước Văn Lang không?	378
Hùng Vương	378
Hùng Vương hay Lạc Vương	380
Nước Văn Lang.	382
Chế độ bộ lạc	384
Chiến tranh giữa Thục Phán với Lạc Vương	387
V. Thục Phán xây dựng nước Âu Lạc thế nào?	388
Vị trí Âu Lạc	388
Cuộc kháng chiến chống quân Tần	391
Những ý kiến phủ nhận cuộc kháng chiến	393
Quân Tần vào đất Lạc Việt	394

Người Lạc Việt kháng chiến	396
Dựng nước Âu Lạc	397
Loa thành	399
Loa thành hay Kiến thành	402
VI. Xã hội và văn hoá Âu Lạc	405
Tài liệu văn tự	406
Tài liệu hiện vật	408
Tài liệu dân tộc học	411
Chế độ lang đạo	413
Vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ	420
Vấn đề "thẻ ngọc An Dương"	425
VII. Nước Âu Lạc với cuộc xâm lược của Triệu Đà	430
Thảo luận ý kiến của Arousseau	431
Sự thống trị nước Âu Lạc của nhà Triệu	432
Vấn đề vị trí Tượng quận	433
VIII. Vấn đề nhà Thục và vấn đề nhà Triệu	444
Vấn đề nhà Thục	444
Vấn đề nhà Triệu	446

GIAI ĐOẠN QUÁ ĐỘ SANG CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN

I. Nước Âu Lạc với cuộc xâm lược của nhà Tây Hán	451
Nhà Hán ngấp nghé nước Nam Việt	451
Cuộc chinh phục	455
II. Tình hình Âu Lạc trong thời Tây Hán	459
Cuộc thống trị của nhà Hán	459
Xã hội Âu Lạc	461
Quận Nhật Nam	463
III. Ba quận của Giao Chỉ bộ	465
Quận Giao Chỉ	465
Quận Cửu Chân	476
Quận Nhật Nam	481

IV. Cuộc khởi nghĩa của Trưng Trắc	487
Nguyên nhân cuộc khởi nghĩa	488
Cuộc khởi nghĩa	492
Cuộc kinh lý của Mã Viện	497
Cột đồng Mã Viện	498
V. Nguồn gốc nước Chiêm Thành	503
Sự thành lập của nước Lâm Ấp	503
Sự phát triển của nước Lâm Ấp	512
Vấn đề thành Khu Túc	517

VẤN ĐỀ HÌNH THÀNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TỰA	533
- Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam	535
- Tình hình ngoại thương của Việt Nam ở thời Lê mạt	571
- Tình hình khai mỏ đồng ở thời Lê mạt	610

CỔ SỬ VIỆT NAM

TỰ NGÔN

Văn hoá mới của chúng ta phải là do văn hoá cũ tiến triển lên, thì nền sử học mới mà thể hệ chúng ta có cái vinh dự xây dựng cũng phải là do nền sử học cũ mà tiến triển lên. Nhưng muốn dùng được những di sản của sử học cũ để lại để xây dựng sử học mới thì chúng ta phải cứu vớt những di sản ấy khỏi cái không khí hoang đường huyền hoặc mà xưa nay sử học cũ đã bao bọc chúng.

Sử học phong kiến duy thần cũng như sử học tư sản và thực dân duy tâm và phản động đều đã xuyên tạc ít nhiều và bôi nhọ sự thực lịch sử. Đặc biệt về cổ sử Việt Nam thì giới sử học phong kiến chỉ để lại cho chúng ta một mô truyền thuyết hoang đường và một ít sử liệu vụn vặt nhiều khi chống chọi nhau, rải rác trong các thư tịch xưa. Để phục vụ ý chí xâm lược và thống trị, bọn thực dân đã dụng tâm nghiên cứu lịch sử của ta, nên họ đã sưu tầm được ít nhiều tài liệu về tiền sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học cùng là công bố được ít nhiều sử liệu trong thư tịch xưa. Song phần nhiều học giả của họ hay đứng trên lập trường của kẻ xâm lược, đã tự nhiên hay cố ý thuyết minh xuyên tạc mà bôi lo tổ tiên ta. Giới sử học tư sản Việt Nam thì lại đứng trên lập trường phản dân tộc của kẻ đầu hàng mà phụ hội những điều xuyên tạc của giới sử học thực dân, cũng như xưa kia giới sử học phong kiến Việt Nam đối với giới sử học phong kiến Trung Quốc. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta bây giờ là phải thanh toán tất cả những điều hoang đường, những điều sai lầm, những điều xuyên tạc mà xưa nay các nhà sử học phong kiến cùng các nhà sử học tư sản và thực dân đã đem ra mà huyền hoặc nhân dân. Nhưng để làm được công việc thanh toán ấy, chúng ta phải gắng sức xử lý thích đáng tất cả các tài liệu vụn vặt hiếm hoi mà sử học cũ còn để lại, lấy ánh sáng của phương pháp lịch sử mới, phương pháp lịch sử duy vật, và đứng trên lập trường nhân dân để thuyết minh, dặng khôi phục cái thực tế sinh hoạt và đấu tranh của nhân dân ở thời viễn cổ, tìm ra nguồn gốc chân xác của dân tộc và văn hoá Việt Nam.

Ngươi họ loại tài liệu chính của sử học cũ còn để lại cho ta truyền thuyết, thư tịch và tài liệu thuộc về các khoa hỗ trợ cho sử học. Chúng ta lại phải đặc biệt chú ý tìm kiếm những tài liệu của xã hội xưa mà hiện nay đông bao Mông là một nhánh bà còn tương đối lạc hậu còn giữ lại mang chế độ và phong tục của họ.

Sau hết, chúng ta lại phải như vào các quy luật phổ biến về lịch sử phát triển của xã hội loài người mà sử học tiền bố đã phát hiện được để làm căn cứ dẫn đường mà lần mò trong khoảng các tư tưởng hóm hoi thiếu sót của thời cổ đại và xưa.



Ở đây chúng tôi xin thuật qua các quy luật phát triển của xã hội loài người nguyên thủy mà A. Morgan và F. Engels đã phát hiện, để soi sáng cho công cuộc nghiên cứu lịch sử cổ đại của chúng ta. Theo tài liệu sách Xã hội nguyên thủy và tác giả sách Nguồn gốc của gia tộc, tài sản tư hữu và Nhà nước, thì lịch sử loài người trước thời đại văn minh có thể chia làm hai giai đoạn lớn: giai đoạn móng vuốt và giai đoạn dã man, mỗi giai đoạn chia làm ba thời kỳ: Thượng kỳ, Trung kỳ và Hạ kỳ.

Ở Thượng kỳ của thời đại móng vuốt thì loài người mới biết dùng những cành cây, hòn đá là những vật liệu sẵn có trong tự nhiên để làm những công cụ làm việc, chỉ biết dùng cành cây trái cây là cây vè cây vắn có trong tự nhiên để làm đồ ăn, cho đến khi biết đánh cá và hái măng và hươu là cuối thời kỳ ấy.

Trung kỳ của giai đoạn móng vuốt bắt đầu từ khi loài người đã hái măng và hươu và biết đánh cá để dùng làm đồ ăn, cho đến khi biết dùng đồ đá cũ (thời da dêo).

Hạ kỳ của giai đoạn móng vuốt thì bắt đầu từ khi loài người mới hái măng cũng tên, dần ông dùng cũng tên để săn bắn cầm thú, phân công với đàn bà chuyên làm hái đồ ăn thảo mộc và trông nom công việc trong nhà. Bây giờ người ta cũng dần dần lên biết dùng đồ đá mới.

Thượng kỳ của giai đoạn dã man thì bắt đầu từ sự biết dùng đồ đá mới và biết chế tạo đồ gốm và đồ dệt, cho đến khi ở Đông Hán cũ người ta biết nuôi đông vật, ở Tây bán cầu người ta biết trồng lúa nếp và biết dùng gạch đá để xây nhà. Thời kỳ ấy có thể lấy công cụ đồ đá mới làm

trên biết, lại có thể xem là then chốt người do kinh tế lương hai mà bước sang kinh tế văn xuất, và do trạng thái sinh hoạt phiêu lãng mà chuyển sang trạng thái sinh hoạt định cư

Trung kỳ của giai đoạn dã man thì bắt đầu từ khi ở Đông bán cầu người ta biết nuôi gia súc, ở Tây bán cầu người ta biết trồng trọt và biết dùng gạch đá để xây nhà, cho đến khi người ta phát minh được thuật nấu kim thuốc Xã hội thì tộc bấy giờ đã phát triển đầy đủ.

Hạ kỳ của giai đoạn dã man thì bắt đầu từ khi người ta biết nấu quặng sắt, cho đến khi người ta đã phát minh được thanh âm từ máu và biết viết chữ làm văn. Nghề canh nông cũng xuất hiện trong thời kì này. Loài người bấy giờ bắt đầu bước sang trạng thái văn minh

Chế độ kinh tế của xã hội cổ đại là chế độ công sản nguyên thủy. Những đồ dùng của mỗi người, như dao, búa, cung nỏ, tuy là mỗi người thường mang lấy mà dùng, nhưng người ta cũng vẫn xem là của chung, chỉ không xem là tài sản tư hữu.

Tuy đến hạ kỳ của giai đoạn dã man thì quần áo từ hữu đủ bắt đầu mạnh như song người ở trong thị tộc cũng vẫn không có quyền bán lại hay chuyển nhượng cho người khác những vật mà mình đã chấp chiếm, mà dù có được chuyển nhượng cho người khác thì cũng phải là ở trong phạm vi ước lệ của thị tộc. Bền vững, ở trong xã hội thị tộc, người ta vốn hình đồng, chưa có sự phân biệt giai cấp.

Từ khi nghề canh nông xuất hiện, thì thổ địa thành phương tiện sản xuất chủ yếu. Thổ địa vẫn là của chung của cả thị tộc, chỉ có vườn tược ở quanh nhà là thuộc riêng về mỗi nhà. Đến trung kỳ của giai đoạn dã man, thì một bộ phận đất công của thị tộc bị tách ra để dùng về phí tổn chính quyền và một phần để dùng về phí tổn tôn giáo.

Tư sản của thị tộc phải được giữ gìn ở trong phạm vi của thị tộc. Vì vậy, tại văn riêng của những người chết phải theo họ lối kẻ thềm như sau (theo Morgan)

- 1 - Lối thứ nhất là tài sản của người chết phải giữ làm của công trong thị tộc,
- 2 - Lối thứ hai là tài sản do bù con bên cha kế thừa,
- 3 - Lối thứ ba là tài sản do con cái kế thừa. Ở trong xã hội thị tộc không có sự tình người bóc lột người, bởi vì buổi đầu sự lao động của mỗi người chỉ vừa đủ để duy trì sự sống cho một mình mà thôi, không ai có sức lao động thặng dư để bị người ta bóc lột. Chỉ khi nào nhờ sự phát

những công cụ đơn, cải sức lao động của một người có thể sản xuất qua số lương cần dùng cho sự sống của một người thì mình có thể xảy ra sự tình người nó bóc lột sức lao động của người kia

Cải hình thái bóc lột sức lao động đầu tiên là bắt những kẻ chiến tu lam nô lệ, bị xem như một thứ gia súc biết nói. Buổi đầu, vì thiếu đồ ăn nên trong xã hội nguyên thủy còn có thói ăn thịt người, cho nên những kẻ chiến tù thường bị giết để ăn thịt. Về sau, đến thương kỳ của giai đoạn dã man, vì đồ ăn tìm kiếm dễ dàng hơn thói ăn thịt người bị bãi, người ta bắt giữ những kẻ chiến tù ở trong thị tộc, phần nhiều là xem họ làm con nuôi, duy có những kẻ bị chọn làm hạ sinh để tế thần thì mình bị giết. Đến trung kỳ của giai đoạn dã man nhờ sự cải tiến của công cụ lao động, những kẻ chiến tù đơn bị dùng làm nô lệ để cho người ta bóc lột sức lao động thặng dư. Bây giờ chiến tranh là nguồn cung cấp nô lệ chủ yếu. Về sau, khi trong xã hội, sự phân biệt giàu nghèo đã rõ rệt, những người nghèo lại làm một nguồn thứ hai để cung cấp nô lệ. Vì phạm vi dùng nô lệ càng ngày càng rộng, dần dần nô lệ trở thành một món hàng cho người ta mua bán, và mua bán nô lệ ben thành một phương pháp điều chỉnh các nguồn cung cấp nô lệ. Đến bấy giờ thì chế độ giai cấp đã phát triển hoàn toàn, mưu phạm và người bóc lột người đã lan tràn rất rộng.

Về phương diện xã hội thì các nhà xã hội học chủ yếu trình kết đến chế độ kết hôn Morgan cho rằng buổi đầu, ở thương kỳ của giai đoạn móng mười, người ta sống trong tình trạng những quần đoàn nguyên thủy, thì sự kết hôn là một thứ hành vi tạp giao, hoàn toàn vô quy luật. Đến trung kỳ và hạ kỳ của giai đoạn móng mười thì sự xuất hiện chế độ huyết tộc quần hôn - tất cả con trai và tất cả con gái ở trong một tập đoàn tự nhiên là đối lại của nhau - rồi đến chế độ 1 huyết tộc quần hôn - Morgan gọi là chế độ punna-luan. Trong một tập đoàn, tất cả những trai và gái cùng một lứa tuổi là đối lại với nhau tức là các anh em, chị em cùng một mẹ đều là vợ chồng của nhau. Bây giờ trong xã hội chỉ mình có sự phân biệt theo trai gái và theo tuổi tác thôi. Ở trong tình trạng ấy thì chế độ thị tộc bắt đầu xuất hiện ở trung kỳ, để phát triển ở hạ kỳ và để trở thành hình thái xã hội chủ yếu của giai đoạn dã man.

Ở thương kỳ của giai đoạn dã man thì chế độ 1 huyết tộc quần hôn biến thành chế độ đối ngẫu hôn, tức từng đôi trai gái lấy nhau một cách không cố định. Nhân đó mà sinh ra chế độ huyết hôn - cấp vợ. Trải qua trung kỳ và hạ kỳ của giai đoạn dã man, thì chế độ đối ngẫu hôn biến thành chế độ một vợ một chồng để thành hình thái gia tộc chủ yếu của xã

hai văn minh

Các đặc tính của xã hội trong giai đoạn mang màu sắc trung ương kỳ và trong kỳ của giai đoạn dã man là thị tộc mẫu hệ. Các họ kỳ của giai đoạn dã man với sự xuất hiện của chế độ một vợ một chồng thì xã hội thị tộc mẫu hệ nhường chỗ cho xã hội thị tộc phụ hệ.

Ở giai đoạn dã man, thị tộc là cơ sở, là đơn vị của tổ chức xã hội. Morgan và Engels còn chỉ ra ba hình thái tổ chức xã hội ở trên thị tộc, tức là ba tộc bộ lạc và bộ lạc liên hiệp. Mỗi một bộ lạc là gồm một số bảo tộc cùng huyết thống; mỗi bảo tộc lại gồm một số thị tộc cùng huyết thống. Bộ lạc liên hiệp là do mấy bộ lạc liên minh với nhau. Bởi vậy, thị tộc, bảo tộc và bộ lạc là do quan hệ huyết thống mà thành, còn bộ lạc liên hiệp thì dần dần cũng là do quan hệ huyết thống mà phát sinh, nhưng cũng nhiều khi không phải cùng một huyết thống mà các bộ lạc khác nhau nguyện ý liên hiệp với nhau mà thành.

Xét về thể chế chính trị của xã hội thị tộc thì thấy các đặc tính của xã hội thị tộc là nguyên tắc dân chủ. Ở trong mỗi thị tộc đều đặt một người tù trưởng thế tập để chấp hành những công việc chung, ngoài ra còn có một người tù trưởng phổ thông nữa. Người tù trưởng thế tập thì phải là người trong bản tộc mới được cử. Đối với người ấy thì mọi người trong thị tộc có quyền tuyển cử và bãi miễn.

Mỗi bộ lạc cũ hội nghị bộ lạc gồm những tù trưởng thế tập của các thị tộc thuộc bộ lạc ấy.

Trong phần nhiều bộ lạc lại đặt ra một người tù trưởng lãnh tụ người tù trưởng cao cấp ấy do các tù trưởng thế tập kia tuyển cử và bãi miễn. Đối với bộ lạc, người ấy là thủ lĩnh quân sự đồng thời lại làm tư tế về tôn giáo, tức là nắm cả chức quyền tể trị và về sau lại kiêm cả chức quyền pháp quan nữa.

Bộ lạc liên hiệp lấy tổng hội nghị của các tù trưởng thế tập làm cơ quan chính trị tối cao, đại khái không đặt người lãnh tụ hành chính tối cao mà chỉ đặt một hay hai vị quân sự tổng tư lệnh, cũng là do tổng hội nghị tuyển cử và bãi miễn.

Do sự đặt những vị quân sự lãnh tụ tối cao cho bộ lạc và bộ lạc liên hiệp, trong nền chính trị của xã hội thị tộc đã nảy ra cái mầm mống của nền chính trị giai cấp là tổ chức nhà nước sau này. Từ xã hội thị tộc đến xã hội có nhà nước của thời đại văn minh sau này, Morgan chỉ ra ba hình thái chính trị liên tiếp nhau như sau:

1) Hình thái thứ nhất là bộ lạc chính phủ, do hội nghị tù trưởng đại

hiểu, thông hành trong các bộ luật và thương kỳ của giai đoạn dã man

2) Hình thái thứ hai là hình thái chính phủ trong ấy hội nghị tù trưởng và quân sự tổng tư lệnh có quyền lực ngang nhau, bộ lạc hội nghị giữ chức quyền dân chính, quân sự tổng tư lệnh giữ chức quyền quân chính. Hình thái ấy đến trung kỳ của giai đoạn dã man mới thành lập vững vàng

3) Hình thái thứ ba là chính phủ do hội nghị tù trưởng công hội nhân dân và quân sự tổng tư lệnh tổ chức thành. Hình thái ấy đến hạ kỳ của giai đoạn dã man mới thực hiện

Buổi đầu, mỗi thị tộc đều thu lấy mỗi loài sinh vật hay vì sinh vật mà đặt tên. Loài vật ấy gọi là tổ tem hay vật tổ, người ta tin là tổ nên của thị tộc, và lấy hình thái loài vật ấy làm huy hiệu của thị tộc. Trong một thị tộc cùng một tổ tem con trai con gái xem là cùng một huyết thống thân hi, không lấy được nhau, nhân thế mà trong thị tộc thường thực hành chế độ ngoại hôn, đó là cái nguyên tắc căn bản của thị tộc, là cái việc thúc căn bản để giữ gìn thị tộc. Tuy nhiên chế độ tổ tem đã xuất hiện từ trước chế độ mẫu-hệ và chế độ phụ hệ

Những đặc tính của xã hội cổ đại do Morgan và Engels nêu ra như trên có thể xem là chung cho toàn thể xã hội loài người, và luận là ở địa phương nào. Ở thời đại kinh tế hươu nai trong tình trạng sinh hoạt phiêu lãng, diện mạo của xã hội vẫn không chịu điều kiện đầu tư quy định mà đến thời đại kinh tế sản xuất của xã hội thị tộc, thì ảnh hưởng của điều kiện địa lý cũng rất nhỏ. Vì vậy tại Á châu cũng như tại Âu châu, Phi châu, Mỹ châu, Úc châu, xã hội loài người đều đã trải qua chế độ thị tộc - chế độ ấy xuất hiện rất xưa và hai hành rất rộng - là hình thái xã hội đầu ngự trị thời gian rất lâu trong lịch sử xã hội loài người, trải qua một phần của giai đoạn móng muối và tất cả giai đoạn dã man.

(1) Vì không tìm được các tác phẩm của Morgan và của Engels cho nên chúng tôi đã phải dựa theo sách Trung Quốc xã hội sử cương của Lữ Chấn Tịch (Lữ Chấn Tịch, Cảnh Văn xuất bản xã, 1959) để viết đoạn trên đây

CHƯƠNG I

NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM VẤN ĐỀ GIAO CHỈ

Vấn đề đầu tiên mà sự nghiên cứu lịch sử dân tộc đặt ra cho chúng ta là vấn đề nguồn gốc của dân tộc.

Truyền thuyết lưu hành trong dân gian cũng như truyền thuyết được ghi chép trong các thư tịch của thời phong kiến đều cho rằng tổ tiên của chúng ta là người Giao Chỉ, nước ta xưa là đất Giao Chỉ Ngô Sĩ Liên, tác giả sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* lại tham khảo thêm các thư tịch xưa của Trung Quốc mà chép ở đầu phần *Ngọa kỳ* rằng "Buổi vua Hoàng đế dựng muốn nước, đặt nước Giao Chỉ ở phía Tây Nam, ở xa tại miền Bắc Việt. Vua Nghiêu sai họ Hy đến ở Nam Giao, định đất Giao Chỉ ở phương Nam. Vua Vũ chia đất chín châu, Dương châu là miền Bắc Việt, Giao Chỉ thuộc về đó".

Về ý nghĩa của cái tên Giao Chỉ thì lời sơ sách *Lễ Kỳ* của Khổng Đình Đạt ở thời Dương chú thích chữ "Giao Chỉ" dùng làm hình dung từ về người Man nói rằng "Y nói người Man khi nắm thì trở đầu ra ngoài, trở chân vào trong và gốc treo lại chẵn với nhau" nên gọi là Giao Chỉ Sách *Hậu Hán thư* ở thời Lưu Tống lại giải thích một cách khác rằng "Vì tục con trai và con gái cùng tắm một sông nên gọi là Giao Chỉ" (1)

Truyền thuyết lại cho rằng tổ tiên chúng ta sở dĩ gọi là người Giao Chỉ là bởi "ngón chân cái của họ nở rộng, nếu hai chân cùng đứng thì hai ngón chân cái giao nhau". Truyền thuyết ấy được chép như thế lần đầu tiên trong sách *Thông điển* (2) của Đỗ Hữu ở thời Đường Từ đó nó trở thành cách giải thích chính thức của tên Giao Chỉ.

(1) *Hậu Hán thư*, q.116

(2) *Thông điển* q.182 Chau quan. 14

Đối với các truyền thuyết xưa về đất và người Giao Chỉ, các nhà sử học tư sản nước ta vẫn cứ chép lại với một tí chút hoài nghi, song không đặt thành vấn đề mà thảo luận. Trong các nhà khảo cứu Pháp thì chỉ có L. Aurousseau, vốn Giám đốc viện Viễn đông Bác cổ ở Hà Nội, là coi nêu lên ý kiến không nên lẫn lộn đất Giao Chỉ chép trong thư tịch xưa của Trung Hoa với đất Giao Chỉ ở thời nhà Hán, song cũng không thảo luận dù khoát vắn đề⁽¹⁾. Về ý nghĩa của tên Giao Chỉ thì mấy nhà Trung Hoa học coi tiếng của nước Pháp ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX là Abel des Michels và Ed. Chavannes, tuy không tin vào thuyết cho rằng người Giao Chỉ là giống người "có hai ngón chân cái giao nhau", nhưng lại cố chủ trương ngày thơ hơn nữa là, "Giao Chỉ là "chỗ các biên giới tiếp giáp nhau" (Abel des Michels)⁽²⁾, "Giao Chỉ là xứ Giao ở miền chân núi" (Ed. Chavannes).

Để đi đến sự nhận định rõ ràng về nguồn gốc của dân tộc ta, trước hết chúng ta hãy thanh toán những ý kiến sai lầm của các nhà sử học cũ về vấn đề Giao Chỉ, rồi xét tìm mối quan hệ chân thực về vấn đề Giao Chỉ với nguồn gốc của dân tộc ta.

Truyền thuyết cho rằng tổ tiên của chúng ta là người Giao Chỉ tuy rằng truyền thuyết là hoang đường, chúng ta không thể gạt bỏ hẳn điều ấy, vì truyền thuyết vốn là phản ảnh của sự thực khách quan thông qua cái kính tam lăng của tri thức tưởng tượng của dân chúng. Vì vậy thì đất Giao Chỉ và người Giao Chỉ nơi trong truyền thuyết có thể là có trong thực tế.

ĐẤT GIAO CHỈ

Đất Giao Chỉ trong truyền thuyết và trong thư tịch xưa của Trung Hoa có phải là quần Giao Chỉ ở thời Hán, tức là miền Bắc Bộ ngày nay hay không? Đồng ý với L. Aurousseau rằng không nên lẫn lộn đất Giao Chỉ chép trong thư tịch xưa với đất Giao Chỉ ở đời nhà Hán, chúng ta phải xét vấn đề sâu hơn mà thử tìm đoán vị trí của đất Giao Chỉ xưa.

Trong đoạn dẫn văn trên kia của sách *Toàn thư*, nhà sử thần của triều Lê chỉ sao tập xò bỏ sách *Thư kinh* và các thư tịch xưa khác của Trung

(1) L. AUROUSSEAU, *La province chinoise des deux annales*, B.L.T. O. XXIII, 1923.

(2) *Les annales impériales de l'Annam* tức bản dịch ra Pháp sách sử hệ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

Hoa Việc Hoàng đế đặt nước Giao Chi ở miền Bắc Việt là chuyện hoang đường do người đời sau bịa đặt. Còn việc vua Nghiêu sai Hy Thúc đến ở Nam Giao - các nhà chú giải đều cho rằng Nam Giao là Giao Chi ở phía Nam - chép trong thiên *Đề điền* và việc vua Vũ chia đất chín châu mà Dương châu là Giao Chi chép trong thiên *Vũ công* của *Thư kinh* thì là chuyện chép ở thời Chiến Quốc. Ở thời này lại có các sách *Mặc Tử*, *Thi Tử*, *Hàn Phi Tử* là những sách tương đối chân xác cũng nói rõ ràng rằng đất Giao Chi ở phương Nam là ở trong phạm vi thông trị của vua Nghiêu⁽¹⁾. Những điều ấy chứng tỏ rằng từ thời các tác phẩm ấy, tức từ thời Chiến Quốc về trước, đã có truyền thuyết rằng ở phía Nam địa bàn hoạt động của người Hán tộc ngày xưa có đất Giao Chi. Truyền thuyết ấy có thể đã có trong khoảng thời gian từ sau thời Nghiêu Thuấn đến cuối thời Thương.

Các nhà chú giải sử thư của Trung Hoa đại khái đều chỉ định vị trí của đất Giao Chi ở thời Nghiêu Thuấn cũng như vị trí của đất Giao Chi ở thời Hán là ở miền Bắc Bộ nước ta. Ed Chavannes, dịch giả sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên 'cũng theo y kiến ấy L. Aurousseau'⁽²⁾ giám hoài nghi thuyết cũ, nhưng không có ý kiến rạch ròi. Sử giới Trung Hoa gần đây thì đại khái nhân định vấn đề ấy như sau này: đất Giao Chi chép trong thư tịch xưa là chỉ cả giải đất ở phía Nam Ngũ Lĩnh, tức là miền Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, và Bắc Bộ nước ta. Đến nhà Hán đất quận Giao Chi thì mới chuyên chỉ miền Bắc Bộ.

Đất quận Giao Chi ở thời Hán và trước đó ở thời Triệu tại miền Bắc Bộ, đó là một điều chung ta có thể xem là xác định rồi. Các nhà sử học xưa nay đều cũng nhận như thế. Đối với vị trí của đất Giao Chi trước thời Chiến Quốc, thì những chủ trương tương đối đúng nhất cũng là phiếm chỉ ở miền Nam nước Trung Hoa hay là ở phía Nam Ngũ Lĩnh, chứ chưa có một sự chỉ định nào xác đáng. Vấn đề ấy chúng ta cần phải xét lại.

(1) *Mặc Tử* thiên *Tiết dụng*. "Vua của Nghiêu trị thiên hạ, phía Nam vỗ về đất Giao Chi".
Thi Tử, thiên *Tạp vấn*. "Vua Nghiêu vỗ về đất Giao Chi ở phía Nam".
Hàn Phi Tử, thiên *Thập quốc*. "Xưa vua Nghiêu trị thiên hạ, đất miền Nam đến Giao Chi".
Đến thời Hán, *Sử ký* còn Tư Mã Thiên lại chép thiên này của Thiệu Di phủ dụ đất Giao Chi ở phương Nam.

(2) Ed Chavannes, *Les Mémoires historiques de Se-ma Tsen*.

(3) L. Aurousseau, *La première civilisation chinoise des premiers empereurs*, in B. L. I. O. XXIII 1923.

Một điều chắc chắn chung ta nhận thấy theo các sách xưa đã dẫn ở trên là Đất Giao Chỉ nằm về phía Nam địa bàn của người Hán tộc ở đương thời. Nhưng Nghiêu Thuấn, theo sử học mới, là những nhân vật thần thoại Cổ nhiên chung ta không tin có những việc tuần thu phủ dụ của các vị vua truyền kỳ ấy. Song truyền thuyết ghi trong các sách ở thời Chiến Quốc đã noi đến đất Giao Chỉ, điều ấy tỏ rằng đời xưa, trước thời ấy, người Hán tộc đã biết và đã đặt tên là Giao Chỉ để gọi miền đất tiếp giáp với địa bàn của họ ở phương Nam. Vậy, chúng ta có thể suy đoán rằng, khá lâu trước thời Đông Chu, đất Giao Chỉ là một địa khu ở về phía Nam địa bàn cư trú của người Hán tộc. Về suốt thời nhà Chu, không thấy các thư tịch xưa chép có đất Giao Chỉ nữa. Nhưng sách *Hoàn Nam Tử* của Lưu An ở đầu thời Hán - hãn là tác giả chép theo sách xưa hơn - thì nói rằng đất của vua Trụ, vua cuối cùng của nhà Thương là một triều đại đã có tính chất tín sử, tiếp giáp với đất Giao Chỉ ở trước mặt. Theo hai điểm này thì chúng ta có thể ước đoán rằng đất Giao Chỉ tiếp giáp với địa bàn Hán tộc ở miền Nam đã tồn tại trong khoảng từ thời Nghiêu Thuấn (thế kỷ thứ XXIV) đến cuối thời nhà Thương (thế kỷ thứ XII tr C ng).

Muốn biết đất Giao Chỉ nằm vào chỗ nào, chúng ta phải xem địa bàn hoạt động của Hán tộc trong thời gian ấy là ở đâu. Địa bàn sinh tụ của người Hán tộc xưa là miền Trung nguyên ở phía Nam và phía Bắc sông Hoàng Hà. Theo những kết quả của cuộc phát quang khảo cổ ở Ân Khư⁽¹⁾, thủ kinh đô của nhà Thương từ khi Bàn Canh thiên đô, là ở huyện Ân Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay. Đại khai ở thời Thương thì toàn tỉnh Hà Nam, trừ miền Tây Nam, là thuộc phạm vi thế lực của người Hán tộc. Miền lưu vực sông Hoài, phía Nam sông Hoàng Hà, ở tỉnh Giang Tô và tỉnh Huy tuy là thuộc các Di tộc, nhưng cũng đã có quan hệ rất mật thiết với người Hán tộc rồi. Lưu vực sông Dương Tử thì còn xa đất của các tư Mao Di, chỉ mới tiếp xúc ít nhiều với Hán tộc. Như vậy thì địa bàn của người Hán tộc ở thời nhà Thương còn ở phía Bắc sông Dương Tử. Đất Giao Chỉ tiếp giáp với địa bàn của họ ở phía Nam có xa lắm thì cũng là ở lưu vực sông Dương Tử chứ không có thể ở xa hơn về phía Nam.

Chúng ta có thể chỉ định rõ ràng hơn vị trí của đất Giao Chỉ được không? Chúng ta hãy đem so sánh mấy đoạn sách xưa chép về đất Giao Chỉ như sau này

(1) Phạm Văn Lan, *Tổng Quốc thống sử giản biên*, Nhân dân xuất bản xã xuất bản, 1953